

# Chuyên đề 4 : CẤU TRÚC VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM

## I. Một số nền tảng kiến thức có liên quan

1. Ngân hàng và hệ thống ngân hàng
2. Ngân hàng trung ương
3. Ngân hàng thương mại

## II. Thực trạng hoạt động của các ngân hàng thương mại

1. Thực trạng huy động vốn
2. Thực trạng hoạt động cho vay vốn
3. Thực trạng cung cấp các dịch vụ ngân hàng
4. Thực trạng các hoạt động đầu tư

# I. MỘT SỐ NỀN TẢNG KIẾN THỨC CÓ LIÊN QUAN

## 1. Ngân hàng và hệ thống ngân hàng

- Ngân hàng là một định chế tài chính trung gian thực hiện các hoạt động ngân hàng và cung cấp các dịch vụ tài chính có liên quan.
- Hệ thống ngân hàng ở Việt Nam gồm có: ngân hàng trung ương và ngân hàng thương mại.

## 2. Ngân hàng trung ương

- Ngân hàng trung ương là ngân hàng phát hành công quản, có thể biệt lập hoặc phụ thuộc chính phủ. Trong hoạt động nó không giao dịch với công chúng mà chỉ giao dịch với kho bạc và các ngân hàng trung gian.
- Mô hình tổ chức ngân hàng trung ương
  - + Ngân hàng trung ương độc lập với Chính phủ
  - + Ngân hàng trung ương trực thuộc Chính phủ
- Chức năng của ngân hàng trung ương
  - + Độc quyền phát hành giấy bạc ngân hàng và điều tiết khối lượng tiền cung ứng.
  - + Ngân hàng trung ương là ngân hàng của các ngân hàng
  - + Ngân hàng trung ương là ngân hàng của Nhà nước

# I. MỘT SỐ NỀN TẢNG KIẾN THỨC CÓ LIÊN QUAN (tiếp)

## 3. Ngân hàng thương mại

- **Ngân hàng thương mại** là một định chế tài chính trung gian tiêu biểu, đóng một vai trò quan trọng trong việc khai thông các nguồn vốn tiết kiệm đáp ứng nhu cầu đầu tư của các chủ thể trong nền kinh tế, đồng thời nó cũng giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo cho nền kinh tế vận hành nhịp nhàng.
- **Chức năng của ngân hàng thương mại**
  - + Trung gian tín dụng
  - + Trung gian thanh toán
- **Các hoạt động cơ bản của NHTM**
  - + Huy động vốn
  - + Cho vay
  - + Cung cấp các dịch vụ ngân hàng
  - + Thực hiện các hoạt động đầu tư

# II. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

## 1. THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN

### A. NHỮNG THÀNH CÔNG HUY ĐỘNG VỐN QUA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

- Các ngân hàng thương mại (NHTM) huy động vốn trong xã hội, vốn trong dân, vốn nước ngoài. Hệ thống ngân hàng huy động vốn cho đầu tư phát triển bằng đa dạng các phương thức, như: giải tỏa vốn đọng trong số nợ xấu, phát hành cổ phiếu và trái phiếu tăng vốn điều lệ, thu hút tiền gửi tiết kiệm và phát triển dịch vụ ngân hàng.
- Các NHTM nhà nước đã xử lý số nợ tồn đọng khoảng 23.000 tỉ đồng bằng nhiều biện pháp khác nhau, giải phóng số vốn đó để quay vòng, cho vay tái đầu tư cho phát triển kinh tế.

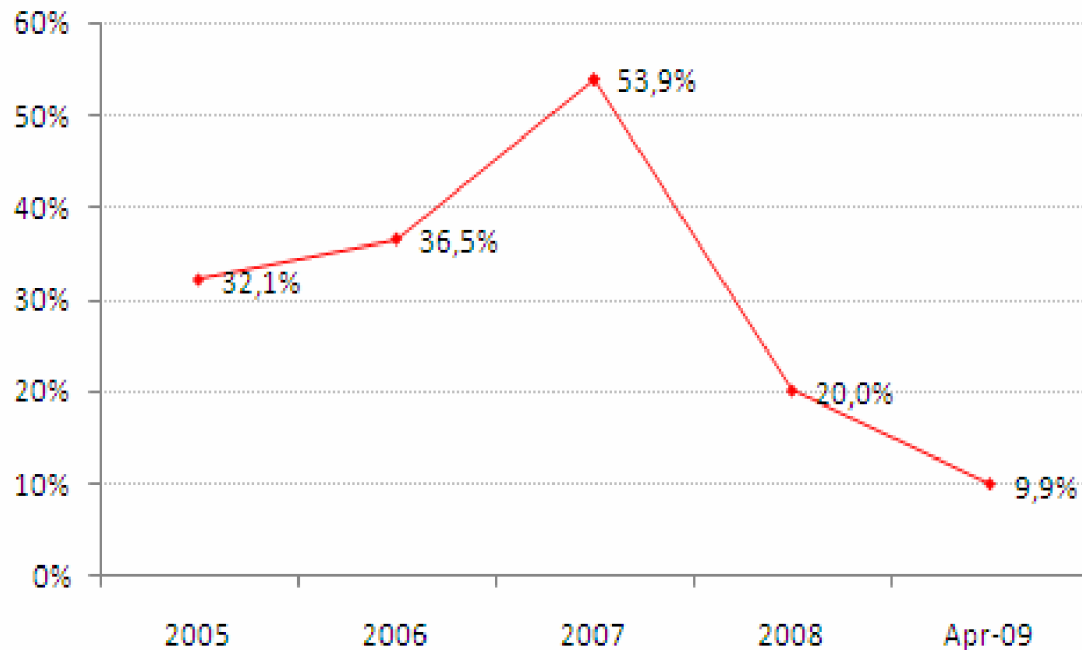
## A.NHỮNG THÀNH CÔNG HUY ĐỘNG VỐN QUA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG ( tiếp)

- Các ngân hàng và tổ chức tín dụng mạnh dạn đầu tư số vốn lớn để hiện đại hóa công nghệ và phát triển dịch vụ.
- Trong việc huy động vốn, các NHTM tạo sự chủ động lựa chọn linh hoạt cho khách hàng, như: gửi một lần nhưng rút gốc linh hoạt cho nhu cầu chi tiêu vẫn được lãi suất cao; gửi góp nhưng lĩnh ra một lần vào cuối kỳ với lãi suất hấp dẫn, gửi tiết kiệm gắn với bảo hiểm nhân thọ; gửi tiền kèm theo cho vay mua ô-tô trả góp.
- Tổng nguồn vốn huy động của các NHTM và tổ chức tín dụng toàn quốc trong 5 năm qua đạt tốc độ tăng khoảng 20% - 25%/năm, gấp hơn 3 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể năm 2000 vốn huy động của hệ thống ngân hàng tăng 26,5% so với năm trước, năm 2001 tăng 25,53%, năm 2002 tăng 17,7%, năm 2003 tăng 24,94%, năm 2004 tăng 30,39%, năm 2005 tăng 18% và 6 tháng đầu năm 2006 tăng hơn 12%.

## B.NHỮNG HẠN CHẾ

### Tình hình huy động vốn của các NHTM từ năm 2005 đến nay

Tốc độ tăng trưởng huy động vốn



Các nguyên nhân chủ quan từ phía ngân hàng như sự yếu kém trong tổ chức, quản lý, trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp.... Bên cạnh đó nguyên nhân khách quan liên quan đến cơ chế chính sách đã gây ra ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ đối với ngân hàng, cụ thể:

- Sự bất cập của chính sách, cơ chế cũ không phù hợp với thực tế hoạt động của ngân hàng vẫn chưa được bổ sung sửa đổi.
- Sự chồng chéo và thường xuyên thay đổi các quy định, thể chế làm cho việc áp dụng vào hoạt động ngân hàng trở nên khó khăn.
- Các quy định và cơ chế nhiều khi còn cứng nhắc, dẫn đến bó buộc hoạt động.

# C. BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC CÁC TỒN TẠI

## Cơ cấu lại các NHTMNN

- Hệ thống NHTMNN đang phải đối mặt với nợ tồn đọng lớn, vốn tự có thấp, do đó hạn chế khả năng huy động vốn và cho vay của hệ thống ngân hàng.
- Quá trình hội nhập vào thị trường tài chính quốc tế và tự do hoá tài chính làm cho môi trường tài chính cạnh tranh trở nên khốc liệt và rủi ro hơn đặt ra yêu cầu bức bách cơ cấu lại hệ thống NHTMNN một cách mạnh mẽ toàn diện.
- Xu hướng phát triển của khoa học kỹ thuật mà đặc biệt là công nghệ tin học trong lĩnh vực ngân hàng đang đặt ra yêu cầu cơ cấu lại hệ NHTM làm cơ sở để áp dụng kỹ thuật mới, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng
- Đối với các ngân hàng niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên xem xét cho phép các nhà đầu tư nước ngoài mua với tỷ lệ không quá 49% vốn cổ phần của ngân hàng đó và một nhà đầu tư mua không quá 30% vốn cổ phần của một ngân hàng Việt Nam.

# C.BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC CÁC TỒN TẠI (tiếp)

## Cơ cấu lại các NHTMNN

- Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước. Việc tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, thông thoáng và lành mạnh cho các NHTM và tổ chức tín dụng hoạt động sẽ cho phép huy động khối lượng vốn rất lớn và nâng cao hiệu quả cho vay đầu tư. Đặc biệt là các NHTM cổ phần cũng nâng cao khả năng quản trị kinh doanh vốn, nên thị trường liên ngân hàng, đầu tư vốn trên thị trường tiền gửi của các tổ chức tín dụng phát triển mạnh mẽ hơn.
- Tiếp tục đổi mới lĩnh vực thanh toán, mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.



# C.BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC CÁC TỒN TẠI (tiếp)

## Tăng vốn tự có

Để từng bước đạt mức an toàn trong hoạt động theo các chuẩn mực quốc tế, NHNN kiến nghị Chính phủ cho phép thực hiện một số biện pháp sau:

- Cho phép NHTM giữ lại phần thu thuế sử dụng vốn để tăng vốn tự có
- Cho phép chuyển phần vốn vay từ Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế theo chương trình tái cơ cấu cho các NHTMNN và cho phép các ngân hàng này không phải nộp thuế sử dụng vốn hàng năm để các ngân hàng nhận vốn vay để tăng vốn tự có được sử dụng khoản thuế vốn này hoàn trả khoản vay theo các điều kiện của Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới.
- Ổn định mức nộp ngân sách (lấy năm 2000 làm mốc) trong 3 năm để khuyến khích các NHTMNN phấn đấu vượt chỉ tiêu lợi nhuận, cho phép lấy phần vượt để bổ sung vốn tự có.
- Khuyến khích các NHTM tích cực tận thu hồi các khoản nợ đã khoanh để bổ sung vốn tự có.
- Cho phép tăng vốn bằng phương thức bán cổ phần ưu đãi (không tham gia quản lý) cho cán bộ công nhân viên với cổ tức cao hơn lãi suất tiền gửi tiết kiệm.

## 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY VỐN

### A. NHỮNG THÀNH CÔNG

- Do thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra nên trong năm 2007 doanh số cho vay đạt 32 tỷ đồng (so với năm trước tăng 10 tỷ). Trong đó cho vay ngắn hạn là 14 tỷ đồng, cho vay trung hạn là 18 tỷ đồng. Doanh số thu nợ năm 2007 đạt 28 tỷ đồng (so với năm trước tăng 7 tỷ đồng). Trong đó cho vay ngắn hạn 12 tỷ đồng, cho vay dài hạn 16 tỷ đồng. Cùng với doanh số cho vay, tổng nguồn vốn huy động năm 2007 đạt 31 tỷ 644 triệu đồng (tăng 8 tỷ 334 triệu đồng). Trong đó nguồn vốn huy động từ tiền gửi dân cư đạt 5 tỷ 931 triệu đồng (tăng 111,6% so với năm trước, chiếm 18,7%/ tổng nguồn vốn huy động).

- Cùng với doanh số cho vay và huy động nguồn vốn, dư nợ cho vay cũng đạt nhiều kết quả tốt. Tổng dư nợ năm 2007 đạt 25 tỷ 607 triệu đồng, đạt 102,4% so với kế hoạch. Phân tích dư nợ theo các thành phần kinh tế cho thấy, năm 2007 có 4 công ty, doanh nghiệp, HTX đang có quan hệ với ngân hàng, các doanh nghiệp, công ty này đều vay vốn chủ yếu là kinh doanh vật liệu, khai thác vật liệu xây dựng, buôn bán với tổng số là 5 tỷ 447 triệu đồng. Bên cạnh các công ty, doanh nghiệp, HTX, còn có các hộ gia đình, cá nhân vay để phát triển sản xuất. Tính đến hết tháng 12.2007, tổng số còn 965 hộ dư nợ với số tiền là 20 tỷ 160 triệu đồng. Tỷ trọng dư nợ hộ gia đình, cá nhân chiếm 78,72%/tổng dư nợ, trong đó dư nợ chủ yếu là các hộ trồng chè, chăn nuôi bò hàng hóa, thương nghiệp dịch vụ, trồng cây công nghiệp và cho vay tiêu dùng khác.

## 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY VỐN

### B. NHỮNG HẠN CHẾ

- Thách thức lớn nhất đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam nằm ở nội lực của chính các ngân hàng, với quy mô vốn nhỏ, nguồn nhân lực hạn chế, trình độ công nghệ còn chậm tiến so với các nước trong khu vực.
  - Thủ tục vay vốn rườm rà, nhiều quy định không sát với tình hình thực tế
  - Hệ thống dịch vụ ngân hàng trong nước còn đơn điệu, chất lượng chưa cao, chưa định hướng theo nhu cầu khách hàng và nặng về dịch vụ ngân hàng truyền thống
  - Lãi suất tiền gửi tăng lên làm cho lãi suất cho vay cũng tăng, tạo thêm gánh nặng về chi phí cho các doanh nghiệp phụ thuộc nặng nề vào nguồn vay từ ngân hàng. Hậu quả là, ngân hàng vẫn tiếp tục cho vay để nuôi nợ, dẫn đến tình trạng mất vốn ngày càng lớn.
  - Cơ cấu hệ thống tài chính còn mất cân đối, hệ thống ngân hàng vẫn là kênh cung cấp vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế chủ yếu.

## 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY VỐN B.NHỮNG HẠN CHẾ( tiếp)

- Thị trường vốn ngắn hạn chưa phát triển và Ngân hàng Nhà nước NHTW, chưa thực sự đóng vai trò can thiệp có hiệu quả vào thị trường này. Các loại lãi suất của NHTW: lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất chiết khấu, lãi suất nghiệp vụ thị trường mở, lãi suất đấu thầu tín phiếu kho bạc nhà nước có tác động rõ nét đến thị trường. Các công cụ điều hành chính sách tiền tệ, đặc biệt là công cụ dự trữ bắt buộc... thiếu linh hoạt. Các NHTM và Tổ chức tín dụng cạnh tranh với nhau tăng lãi suất huy động vốn một cách một chiều, tạo nguy cơ tiềm ẩn rủi ro cho chính các NHTM.
- Việc thẩm định dự án, phương án kinh doanh chất lượng còn thấp, thiếu thông tin, thiếu thực tế, chưa có những phân tích đánh giá độc lập theo quan điểm của ngân hàng , có những dự án việc thẩm định chỉ mang tính sao chép lại. Chưa chủ động lựa chọn khách hàng hoặc chọn dự án ... công tác tiếp thị, chăm sóc và tiếp cận các khách hàng mới có tình hình tài chính làm mạnh về với ngân hàng cho vay của các phòng kinh doanh, nguồn vốn, ngoại tệ chưa tốt

## 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY VỐN

### C. BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC CÁC TỒN TẠI

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có biện pháp giám sát chặt chẽ và chỉ đạo các ngân hàng thương mại rà soát lại các khoản cho vay đầu tư, đặc biệt là đầu tư vào những lĩnh vực rủi ro cao (bất động sản, chứng khoán, đầu tư đa ngành...); tăng cường kiểm soát và phòng ngừa rủi ro đối với hoạt động cho vay bất động sản, có biện pháp chặn chĩnh, khắc phục kịp thời, hiệu quả những sai sót làm ảnh hưởng đến hoạt động của từng ngân hàng.
- Khuyến khích khách hàng vay cầm cố khi có nhu cầu vốn ngắn hạn hoặc chiết khấu khi có nhu cầu sử dụng vốn dài hạn. Việc NHNN siết tỷ lệ vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn là nhằm mục tiêu đảm bảo an toàn hệ thống, kiểm soát chất lượng tín dụng và đảm bảo thanh khoản các NHTM
- Xây dựng một chính sách cho vay hợp lý
- Đảm bảo thực hiện tốt quy trình quản lý rủi ro cho vay

# 3. THỰC TRẠNG CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG

## A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Với sự nỗ lực cố gắng không ngừng của các NHTM, vốn điều lệ của các NHTM đã có sự cải thiện đáng kể. Đến cuối năm 2008, 100% các NHTM cổ phần đã có vốn điều lệ từ 1000 tỷ đồng trở lên. Đây là cơ sở quan trọng cho các NHTM có nguồn tài lực để áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm phát triển các DVNH hiện đại.
- Sự hợp tác trong hoạt động kinh doanh giữa các NHTM bước đầu đã hình thành với sự ra đời của các liên minh
- Cơ sở hạ tầng, CNTT nhìn chung đã có sự phát triển vượt bậc trong thời gian qua, tạo cơ sở quan trọng cho việc cải tiến quy trình nghiệp vụ, phát triển các dịch mới, nâng cao tính tiện ích cũng như chất lượng phục vụ khách hàng. Vốn đầu tư cho CNTT không ngừng tăng lên. Đây là nền tảng quan trọng để các NHTM nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tốc độ xử lý thông tin, tăng cường tính bảo mật, đem lại nhiều tiện ích cho khách hàng và tiết kiệm chi phí cho ngân hàng.
- Số lượng dịch vụ được cung cấp ngày càng đa dạng và số lượng các NHTM tham gia cung cấp cũng ngày một tăng lên, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

# 3. THỰC TRẠNG CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG

## HÀNG

### B.NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ

- Vốn điều lệ hoạt động còn thấp.
- Chất lượng và số lượng các dịch vụ tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều hạn chế.
- Hiệu quả tối đa mang lại cho từng ngân hàng từ việc ứng dụng công nghệ hiện đại còn chưa cao.
- Vấn đề quản lý còn nhiều bất cập.
- Các cơ quan quản lý nhà nước chưa đánh giá đúng và đầy đủ về những yêu cầu đối với môi trường pháp lý, điều kiện hoạt động để khuyến khích và bảo đảm cho sự phát triển an toàn, hiệu quả của hệ thống ngân hàng, do đó chưa có chiến lược và giải pháp hỗ trợ phát triển dịch vụ ngân hàng một cách có hệ thống.

# 3. THỰC TRẠNG CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG

## CÁC GIẢI PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC CÁC HẠN CHẾ

- Phát triển về công nghệ
- + Việc ứng dụng công nghệ mới trong ngành ngân hàng sẽ tạo điều kiện cho các NHTM có điều kiện phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ ngân hàng. Các NHTM cần phải:
- + Tăng cường liên doanh, liên kết và hợp tác giữa các ngân hàng với nhau và giữa ngân hàng các tổ chức kinh tế khác trong và ngoài nước
- + Hiện đại hóa đồng bộ hạ tầng kỹ thuật công nghệ trên phạm vi toàn hệ thống ngân hàng và ngay trong từng TCTD
- + Phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử (internet banking, home banking, mobile banking,..., các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo hướng giao dịch tự động nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, an toàn và hiệu quả.



# 3. THỰC TRẠNG CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG

## C.CÁC GIẢI PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC CÁC HẠN CHẾ

### - Phát triển nguồn nhân lực

Cần thiết hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và phát triển nguồn nhân lực để thu hút nhân tài, cán bộ nghiệp vụ và cán bộ quản lý có trình độ giỏi thông qua xây dựng hệ thống khuyến khích và chế độ quản lý lao động phù hợp.

### - Thực hiện tốt việc phối hợp, liên kết giữa các NHTM và TCTD với nhau

# 3. THỰC TRẠNG CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG

## C. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC CÁC HẠN CHẾ

- Tăng cường năng lực hoạt động và tài chính của các TCTD
  - + Các NHTM cần thiết phải xây dựng đề án tăng cường năng lực tài chính và xem đây là giải pháp giúp cho các NHTM và TCTD nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tạo điều kiện cho việc phát triển các loại hình dịch vụ ngân hàng hiện đại
  - + Tăng cường năng lực hoạt động tài chính có thể thực hiện theo hướng:
    - + Tăng vốn tự có bằng các hình thức huy động từ thị trường qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu, Nhà nước bổ sung vốn, lợi nhuận để lại, nâng cao chất lượng tài sản có.
    - + Cần nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống và nâng cao quyền tự chủ kinh doanh của ngân hàng
      - + Để nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính các doanh nghiệp cần chú trọng các biện pháp nâng cao trình độ nghiệp vụ, kĩ năng khai thác dịch vụ, thái độ phục vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên của mình; hoàn thiện các qui trình nghiệp vụ; đồng thời tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát và quản lý rủi ro; nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng.

# 3. THỰC TRẠNG CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG

## C. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC CÁC HẠN CHẾ

- Chú động xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh theo hướng phát triển thương hiệu và xây dựng văn hóa kinh doanh ngân hàng văn minh – hiện đại, bằng cách đẩy mạnh các hoạt động marketing, tuyên truyền, quảng cáo dịch vụ ngân hàng trên thị trường đến khách hàng. Tuy nhiên, để chiến lược phát triển kinh doanh dịch vụ ngân hàng thực hiện có hiệu quả góp phần vào sự phát triển nền kinh tế xã hội, cần thiết có sự hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước VN trên một số nội dung:
  - + Bổ sung, sửa đổi Luật NHNN và Luật các TCTD, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn nhằm thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh và ứng dụng các thông lệ, chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng; quy định rõ phạm vi hoạt động cũng như loại hình dịch vụ ngân hàng mà các TCTD được phép thực hiện và cung ứng cho nền kinh tế.
  - + Hoàn thiện các quy định về tiếp cận thị trường dịch vụ ngân hàng trong nước theo lộ trình tự do hóa thương mại dịch vụ tài chính và mở cửa thị trường tài chính.
  - + Tiếp tục định hướng cho các TCTD phát triển các hoạt động dịch vụ
  - + Thực hiện cơ chế thanh toán không dùng tiền mặt trong mọi ngành, mọi cấp của nền kinh tế chứ không chỉ thực hiện ở phạm vi ngành ngân hàng.
  - + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu quốc gia hiện đại, tập trung, thống nhất.

# 4. THỰC TRẠNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

## A. NHỮNG THÀNH CÔNG

- Đối với các hoạt động đầu tư trong nước hiện nay, các ngân hàng thương mại đã chủ động hơn trong đầu tư. Chính vì thế mà các lĩnh vực đầu tư được đa dạng hóa bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau : tài chính , chứng khoán , xây dựng,....Điều này góp phần giúp nền kinh tế tăng trưởng một cách cân bằng.
- Đối với đầu tư nước ngoài , hệ thống pháp luật chính sách dần được hoàn thiện tạo tiền đề cho việc mở rộng các hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các ngân hàng Việt Nam.

# 4. THỰC TRẠNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

## A. NHỮNG THÀNH CÔNG (tiếp)

- Xu hướng đầu tư ra nước ngoài ngày càng sôi động, các ngân hàng ngày một quan tâm đến việc mở rộng địa bàn hoạt động nhằm phát huy hiệu quả của việc hội nhập kinh tế.

Từ năm 2006, tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của các ngân hàng Việt Nam đã vượt ngưỡng 300 triệu USD. Nhìn chung hoạt động đầu tư ra nước ngoài bước đầu có hiệu quả, thậm chí có những dự án hiệu quả đã tăng vốn đầu tư. Tận dụng được nhiều cơ hội đầu tư mang lại lợi nhuận cao đồng thời hoạt động một cách linh hoạt đối với những thay đổi của thị trường giúp các ngân hàng giảm thiểu tối đa những rủi ro trong quá trình đầu tư. Thu được một khoản lợi nhuận đáng kể từ những dự án đầu tư có hiệu quả nhờ vào hệ thống thông tin cập nhật và đánh giá chính xác của các nhà quản lý.

# 4. THỰC TRẠNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

## A. NHỮNG THÀNH CÔNG (tiếp)

- Những ngày qua, nhiều nhà đầu tư, cổ đông giật mình khi tiếp xúc với những con số quá lớn được tổng hợp từ báo cáo tài chính năm 2007 của một số ngân hàng thương mại về hoạt động đầu tư chứng khoán.

Một thống kê cho thấy dẫn đầu trong khối ngân hàng về hoạt động này là Ngân hàng Á châu, khi tổng trị giá danh mục đầu tư chứng khoán là 9.636 tỷ đồng; tiếp theo Ngân hàng Kỹ thương Techcombank 6.842 tỷ đồng, Ngân hàng Đông Nam Á là 3.968 tỷ đồng, Ngân hàng An Bình gần 3.600 tỷ đồng, Ngân hàng Hàng hải 2.169 tỷ đồng, Ngân hàng Ngoại quốc doanh là 1.678 tỷ đồng...

Đó là những con số được tính ở thời điểm cuối năm 2007. Và nay, khi giá hầu hết cổ phiếu trên sàn niêm yết, cũng như trên thị trường tự do (OTC), đã giảm phổ biến 50%, thậm chí mạnh hơn, làm nảy sinh những lo ngại về khả năng thua lỗ lớn của các ngân hàng, ứng với lượng vốn đầu tư nói trên.

# 4. THỰC TRẠNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

## B. NHỮNG HẠN CHẾ

- Chưa có chính sách hay những cơ chế đặc thù nhằm khuyến khích đầu tư của các ngân hàng. Hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư của một số nền kinh tế đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện nên có nhiều thay đổi, không nhất thống, thiếu minh bạch và khó tiếp cận.
- Trong một số lĩnh vực đầu tư có sự thiếu nhất quán trong việc áp dụng chính sách, đặc biệt là các quy định do địa phương đặt ra và áp dụng ngoài chính sách nhà nước đã gây nhiều khó khăn cho việc thực hiện các dự án đầu tư.
- Công tác quản lý các dự án đầu tư còn gặp nhiều khó khăn do việc thực hiện chế độ báo cáo của các dự án chưa được đầy đủ.
- Thiếu thông tin đầu tư của một số địa bàn nên khó khăn trong công tác xúc tiến đầu tư.
- Chưa thường xuyên đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư để rút ra kinh nghiệm trong công tác quản lý và đề xuất những biện pháp thúc đẩy hơn nữa các hoạt động đầu tư.
- Tiềm lực về vốn và công nghệ còn hạn chế, thêm vào đó thiếu năng lực quản lý nên còn gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh đối với các ngân hàng nước ngoài.
- Lực lượng lao động còn thiếu hụt đặc biệt là những lao động có khả năng chuyên môn cao, tính kỷ luật còn kém, chưa nghiêm túc

# 4. THỰC TRẠNG CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

## C. BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC CÁC TỒN TẠI

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế , chính sách về các hoạt động đầu tư
- Nâng cao năng lực thanh tra , giám sát đối với các hoạt động đầu tư, cần tiến hành cải cách thanh tra ngân hàng theo hướng tập trung hóa đồng thời thay đổi phương pháp tiếp cận quy trình nghiệp vụ thanh tra giám sát
- Tăng cường năng lực tài chính của các ngân hàng , tạo mối liên kết giữa các ngân hàng nhằm mục tiêu trao đổi thông tin
- Thường xuyên thực hiện các hoạt động đánh giá hiệu quả sau mỗi dự án đầu tư , đưa ra những khuyết điểm và đưa ra những biện pháp khắc phục nhằm thu được hiệu quả cao hơn cho những dự án tiếp theo